

Bản án số: 137/2017/HSST

Ngày: 20-11-2017

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**  
***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.
2. Ông La Văn Việt.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên - Cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia  
phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Mẫn, Kiểm sát viên.

Ngày 20-11-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long  
An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 129/2017/HSST ngày 18 tháng 10  
năm 2017 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1993, tại Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu  
thường trú: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Chỗ ở hiện nay: Ấp V, xã M, huyện  
Đ, tỉnh L. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Con ông Nguyễn  
Văn MumM và bà Lê Thị S (chết); Bản thân chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự:  
Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2017 đến ngày 22/9/2017 thay thế biện  
pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**2. Phạm Thanh T (B)**, sinh năm 1994, tại Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu  
thường trú: Ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh L; Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã H, huyện Đ,  
tỉnh L; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Con ông Phạm Tấn  
Đ và bà Huỳnh Thị L; Vợ Dương Tử L ( đã ly hôn), có 01 con; Tiền án, tiền sự:  
Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 02/8/2017 đến ngày 11/8/2017 thay thế biện pháp  
ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**Người bị hại:** Bà Lương Thị C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh L (vắng mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty TNHH dịch vụ du lịch  
Tuấn H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Ngọc T.

Địa chỉ trụ sở: A, Ấp B, xã N, huyện H, Thành phố H (vắng mặt).

### **NHẬN THẤY:**

Bị cáo Nguyễn Thành Đ và Phạm Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 03/4/2017, bị cáo Nguyễn Thành Đ đang ở nhà người thân ngụ tại ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh L thì có Phan Vũ L (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh L gọi điện thoại cho Đ, L nói với Đ là “Có bà chị quen biết nhận mua hàng (mua thuốc lá ngoại nhập lậu) có bán không, L giới thiệu cho”, Đ đồng ý.

Sau đó L nhắn tin số điện thoại di động 01267333546 của Đặng Thị N, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh L qua máy điện thoại di động của bị cáo Đ số 01698890378. Bị cáo Đ điện thoại hỏi N “Chị có phải là chị của L không, Chị có nhận mua hàng không (mua thuốc lá ngoại nhập lậu), em đem xuống bán cho Chị”. N trả lời “có”, bị cáo Đ hỏi N “Chị nhận giá bao nhiêu”, thì N trả lời “134.000 đồng/01 cây thuốc lá hiệu Hero và 164.000 đồng/01 cây thuốc lá hiệu Jet”, bị cáo Đ đồng ý bán cho N. Sau khi thỏa thuận giá cả xong, bị cáo Đ hỏi N “Chị nhận bao nhiêu hàng”, N trả lời “nhận 900 cây thuốc lá hiệu Jet và 180 cây thuốc lá hiệu Hero”. Bị cáo Đ và N thỏa thuận với nhau khi bị cáo Đ giao thuốc lá cho N thì N phải thanh toán tiền mặt cho bị cáo Đ liền, bị cáo Đ nói khi nào chở thuốc lá xuống thì điện thoại báo cho N biết, N đồng ý.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày 03/4/2017, bị cáo Đ kêu bị cáo Phạm Thanh T (tên gọi khác: B), sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú ấp A, xã H, huyện H, tỉnh L và Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh L dùng xe ô tô nhãn hiệu Honda City loại xe 04 chỗ, màu trắng biển số 51F-202.60 doT điều khiển chở 900 cây thuốc lá hiệu Jet và 180 cây thuốc lá hiệu Hero đi từ cửa khẩu T, huyện Đ đến địa phận xã H, huyện Đ, tỉnh L để giao thuốc lá cho N. Bị cáo T và Đoàn đến nơi giao thuốc lá cho N xong thì N kêu bị cáo T và Đ đi theo N về nhà lấy tiền trả nhưng N không trả tiền mà bỏ trốn nên bị cáo T điện thoại báo cho bị cáo Đ biết sự việc. Bị cáo Đ kêu bị cáo T và Đ ở đó đợi bị cáo Đ xuống tìm N lấy tiền, bị cáo Đ điện thoại rủ thêm Trần Hoàng S, sinh năm 1993, Nguyễn Minh P, sinh năm 1996, Nguyễn Khánh D, sinh năm 1998 cùng hộ khẩu thường trú xã M, huyện Đ, tỉnh L và T nhà ở thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L đến gặp N để lấy tiền nợ. Bị cáo Đ điều khiển xe ô tô biển số 51F-236.46, thuê của Công ty Tuấn H (không nhớ địa chỉ) chở theo S và P. D thì điều khiển xe ô tô biển số 62A-062.95 chở theo T, khi đến vòng xoay ngã ba K, huyện Đ thì Đ gặp T, Đ và Phí Nhật T ở đó. Sau đó Đ và cả nhóm cùng đi đến nhà bà Lương Thị C (mẹ ruột của N), ngụ hộ khẩu thường trú ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh L để tìm N đòi tiền nhưng nhà đóng cửa không gặp được N, bị cáo Đ dùng ống tuýp sắt đập bể kiếng cửa trước nhà bà C. Bị cáo Đ mở cửa vào nhà nhìn thấy bà C đang ở trong phòng ngủ, Đ hỏi bà C “N đâu”, bà C trả lời “không biết”, bị cáo Đ lấy trong túi quần ra một viên pháo đốt rồi ném xuống nhà dưới phát ra tiếng nổ. Sau đó Đ và T cùng nhau khiêng bà C lên xe ô tô biển số 51F-236.46, bị cáo

Đ điều khiển xe còn T thì ngồi ghế sau để giữ bà C, bị cáo Đ điều khiển xe chở bị cáo T và bà C đi theo hướng Quốc lộ 22 đến địa phận quận Gò, thành phố H thuê phòng nghỉ (không nhớ tên) và giữ bà C ở đó một đêm (khoảng 10 giờ đồng hồ). Đến khoảng 08 giờ ngày 04/4/2017, thì bị cáo T điều khiển xe ô tô chở bà C đến ngã tư C, huyện C, thành phố H và đón xe Taxi cho bà C về nhà.

Ngày 05/4/2017, bà Lương Thị C có đơn tố cáo hành vi bắt, giữ người trái pháp luật các bị cáo Nguyễn Thành Đ và Phạm Thanh T tại Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thành Đ và Phạm Thanh T sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 01/8/2017, Nguyễn Thành Đ bị Công an huyện Đức Hòa bắt tạm giam. Riêng Phạm Thanh T ra đầu thú tại Công an huyện Đ ngày 02/8/2017.

Về vật chứng vụ án: Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang tạm giữ những vật chứng sau chờ xử lý:

- 03 (ba) cặp biển số giả gồm: 51A- 054.91, 62A-113.78 và 51F-241.28.
- 02 (hai) viên pháo hình tròn đường kính 1,5 cm.
- 01 (một) cây vũ 03 khúc, màu đen, bằng kim loại, dài 60 cm.
- 01 (một) con dao Thái Lan, dài 17 cm, cán màu vàng, lưỡi kim loại màu trắng.

Tại bản cáo trạng số 131/QĐ-KSĐT ngày 17/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Nguyễn Thành Đ và Phạm Thanh T về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123 BLHS.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà các bị cáo Nguyễn Thành Đ và Phạm Thanh T gây ra; Đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành Đ và Phạm Thanh T phạm tội “bắt, giữ người trái pháp luật”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 123, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ từ 06 đến 09 tháng tù .

- Áp dụng khoản 1 điều 123, điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53, Điều 60 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Thanh T từ 03 tháng đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy tang vật chứng không liên quan đến vụ án gồm:

- 03 (ba) cặp biển số giả gồm: 51A- 054.91, 62A-113.78 và 51F-241.28.
- 02 (hai) viên pháo hình tròn đường kính 1,5 cm.

- 01 (một) cây vủ 03 khúc, màu đen, bằng kim loại, dài 60 cm.
- 01 (một) con dao Thái Lan, dài 17 cm, cán màu vàng, lưỡi kim loại màu trắng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lương Thị C sau khi nhận số tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 1.000.000 đồng từ bị cáo Đ, không có yêu cầu gì nên không đề cập xem xét.

Các bị cáo Nguyễn Thành Đ và Phạm Thanh T hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của VKSND huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố, không đưa ra chứng cứ nào để minh oan, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại bà Lương Thị C trình bày tại Cơ quan điều tra: Vào khoảng 23 giờ ngày 3/4/2017 bà đang ngủ ở nhà tại ấp Xuân Khánh 1, xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thì bị cáo Đ và bị cáo T vào nhà hỏi N con gái của bà ở đâu, bà trả lời không biết. Sau đó, bị cáo Đ và bị cáo T bắt bà khiêng lên xe ô tô rồi chở bà đến nhà trọ ở Thành phố Hồ Chí Minh giữ bà ở lại một đêm. Đến 10 giờ ngày 04/4/2017 thì bị cáo Đ và bị cáo T chở bà đến cầu vượt Củ Chi, kêu taxi chở bà về nhà. Nay đối với phần trách nhiệm dân sự bà không yêu cầu gì, về phần trách nhiệm hình sự bà xin bãi nại cho bị cáo Đ và bị cáo T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T trình bày tại cơ quan điều tra: Vào tháng 4 năm 2017 bị cáo Đ có thuê xe ô tô biển số 51F-236.46 để chạy dịch vụ. Đến ngày 14/6/2017 bị cáo Đ đem xe trả lại cho công ty. Sau đó, công ty đã thanh lý xe này nên giấy tờ liên quan tới hợp đồng thuê xe ông đã hủy bỏ. Nay ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thành Đ và Phạm Thanh T hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của VKSND huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố.

Lời khai nhận của bị cáo Đ trước Tòa phù hợp với biên bản về việc bắt người, lời khai nhận của bị cáo T phù hợp với biên bản về người phạm tội ra đầu thú. Cũng như lời khai nhận tội của bị cáo Đ và bị cáo T phù hợp với lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của những người làm chứng, phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn không có sự bàn bạc phân công vai trò chỉ vì nóng giận tức thời không kiềm chế bản thân nên có hành vi vi phạm luật. Cụ thể: Ngày 3/4/2017 bị cáo Đ và bị cáo T đến nhà bà C mục đích gặp chị N đòi tiền nhưng không gặp chị N, từ đó bị cáo Đ tức giận nảy sinh ý định bắt giữ bà C để ép cho chị N phải trả tiền nên bị cáo Đ kêu bị cáo T cùng khiêng bà C

lên xe ô tô, bị cáo Đ lái xe, bị cáo T ngồi băng ghế sau với bà C đã đưa bà C lên xe đi đến phòng trọ ở Quận G, Thành phố H giữ bà C một đêm (khoảng 10 giờ). Đến khoảng 8 giờ ngày 4/4/2017 thì bị cáo T điều khiển xe ô tô chở bà C đến ngã tư C, huyện C, thành phố H và đón xe Taxi cho bà C về nhà. Trên cơ sở đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Thành Đ và Phạm Thanh T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 123 BLHS.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Thành Đ và Phạm Thanh T với tội danh và Điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi dùng vũ lực đe dọa và bắt giữ người trái pháp luật nhằm gây áp lực mà các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến sức khỏe, tinh thần của người khác, quyền này được pháp luật Hình sự bảo vệ nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo Đ và bị cáo T đã xâm hại trực tiếp sức khỏe và tinh thần của bà C, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo Đ và bị cáo T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo Đ và bị cáo T vẫn bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó hành vi trái pháp luật của các bị cáo Đ và T cần xử nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân bị cáo Đ: Bị cáo Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bị cáo Đ có gia đình hoàn cảnh khó khăn và là lao động chính được chính quyền địa phương xác nhận, sau khi bắt giữ bà C, gia đình bị cáo Đ có bồi thường cho bà C 1.000.000 đồng, bị hại C có đơn xin bãi nại cho bị cáo Đ. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS nên khi áp dụng hình phạt có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần.

Xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ là quá nghiêm khắc. Thấy rằng bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 46 BLHS và có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà cần tạo điều kiện cho bị cáo học tập, cải tạo ngoài xã hội cho nên chỉ cần xử phạt bị cáo Đ mức án treo cũng đủ tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về nhân thân bị cáo T: Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bị cáo T có gia đình hoàn cảnh khó khăn và là lao động chính, vợ ly hôn đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, gia đình có công với cách mạng được chính quyền địa phương xác nhận, bị hại C có đơn xin bãi nại cho bị cáo T. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS nên khi áp dụng hình phạt có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần.

Xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo T là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lương Thị C sau khi nhận số tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 1.000.000 đồng do gia đình bị cáo Đ bồi thường không có yêu cầu gì nên không đề cập xem xét.

Về tang vật chứng:

- 03 (ba) cặp biển số giả gồm: 51A- 054.91, 62A-113.78 và 51F-241.28.
- 02 (hai) viên pháo hình tròn đường kính 1,5 cm.
- 01 (một) cây vũ 03 khúc, màu đen, bằng kim loại, dài 60 cm.
- 01 (một) con dao Thái Lan, dài 17 cm, cán màu vàng, lưỡi kim loại màu trắng.

Đây là những công cụ không liên quan đến vụ án, tại Tòa bị cáo Đ không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Đ và Phạm Thanh T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 123, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53, Điều 60 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thành Đ về UBND xã m, huyện đ, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thành Đ thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 123, điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Thanh T về UBND xã h, huyện đ, tỉnh l giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phạm Thanh T thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy:

- 03 (ba) cặp biển số giả gồm: 51A- 054.91, 62A-113.78 và 51F-241.28.

- 02 (hai) viên pháo hình tròn đường kính 1,5 cm.
- 01 (một) cây vũ 03 khúc, màu đen, bằng kim loại, dài 60 cm.
- 01 (một) con dao Thái Lan, dài 17 cm, cán màu vàng, lưỡi kim loại màu trắng.

Tang vật trên do Chi cục Thi hành án dân sự Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/9/2017.

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa, buộc bị cáo Nguyễn Thành Đ và bị cáo Phạm Thanh T nộp 200.000 đồng án phí HSST sung vào công quỹ Nhà nước.

Án này là sơ thẩm bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Nêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh;
- VKSND, CA huyện;
- Thi hành án huyện;
- Người TGT
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Kim Thanh**